

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà.

Ông Phạm Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1993.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.  
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Trịnh Thị H** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Đình T** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/10/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh T đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2014 chị cũng sang Đài Loan làm ăn cùng anh. Thời gian ở nước ngoài vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc, gặp

gỡ nhau, nhưng sau đó anh T có những biểu hiện không chung thủy với chị dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát. Từ năm 2017 cho đến nay anh, chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Năm 2022 chị H về nước còn anh T vẫn làm ăn tại Đài Loan. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 06/4/2012, hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T. Bà Hà Thị Th - mẹ đẻ của anh T trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình anh T có quan điểm việc ly hôn là do chị H quyết định, chị H cương quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí. Anh xác định vợ chồng có một con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung, nếu được nuôi con anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp Tòa án giao con cho chị H nuôi dưỡng thì anh cũng nhất trí và không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Cháu Nguyễn Thị Như Q có nguyện vọng được ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trịnh Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Như Q cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị H sinh sống tại Việt Nam. Bị đơn anh Nguyễn Đình T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, hiện anh T đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Hà Thị Th - mẹ đẻ anh T, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có quan điểm xin được vắng mặt, thông qua gia đình anh T cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/10/2011, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh chị cùng sang Đài Loan làm ăn, tuy nhiên do vợ chồng mỗi người sống một nơi, ít có thời gian gặp nhau dẫn đến nghi ngờ lẫn nhau và phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình anh T có quan điểm nếu chị cương quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 06/4/2012, hiện con đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Thông qua gia đình anh T cũng có quan điểm được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy, chị H hiện đã về nước và đang làm việc tại công ty may ở gần nhà, có thu nhập ổn định. Cháu Nguyễn Thị Như Q đang ở với mẹ. Anh T đang lao động tại Đài Loan, không có mặt tại Việt Nam nên không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Q, cần giao cháu Q cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trịnh Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 06/4/2012 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Anh Nguyễn Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị H đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0000394 ngày 07/6/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**